

Số: /TB-UBND

Đồng Tháp, ngày 18 tháng 01 năm 2021

THÔNG BÁO

Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 289/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân Tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 13 về việc phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2020, phân bổ ngân sách cấp Tỉnh năm 2020 của tỉnh Đồng Tháp;

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thông báo công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương năm 2020, gồm các nội dung sau:

1. Cân đối ngân sách địa phương năm 2020 chi tiết tại Biểu số 59/CK-NSNN;
2. Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước năm 2020 chi tiết tại Biểu số 60/CK-NSNN;
3. Ước thực hiện chi ngân sách địa phương năm 2020 chi tiết tại Biểu số 61/CK-NSNN.

Hình thức công khai: thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp thông báo đến các cơ quan, địa phương được biết./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- TT/TU, TT/HĐND tỉnh;
- CT và các PCT/UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH;
- Sở Tài chính;
- Công Thông tin điện tử Tỉnh;
- Lưu VT, KT/HS.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Thiện Nghĩa

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	8.495.000	8.431.081	99,25	95,99
I	Thu cân đối NSNN	8.495.000	8.431.081	99,25	95,99
1	Thu nội địa	8.425.000	8.337.321	98,96	96,32%
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	70.000	93.759	133,94	129,77%
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NSDP	13.686.690	13.527.444	98,84	90,72
I	Chi cân đối ngân sách địa phương	12.181.277	11.003.050	90,33	81,47
1	Chi đầu tư phát triển	3.191.485	2.873.119	90,02	54,67
2	Chi thường xuyên	8.373.843	8.030.201	95,90	99
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.000	77		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	2.000	2.000	100,00	100
5	Chi dự phòng ngân sách	233.960	0	0,00	0
6	Chi tạo nguồn điều chỉnh tiền lương	378.989	0		0,00
7	Chi trả nợ gốc vốn vay KCHKM, CTDC		97.653		
II	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	1.474.513	1.365.376	92,60	112
III	Chi đầu tư từ nguồn vốn Chính phủ vay về cho vay lại	30.900			
C	BỘI CHI NSDP/ BỘI THU NSDP				
D	CHI TRẢ NỢ GỐC				
E	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM SAU		1.159.018		

THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN (I+II)	8.495.000	8.431.081	99,25%	95,99%
I	Thu nội địa	8.425.000	8.337.321	98,96%	96,32%
	<i>Thu nội địa (không kể tiền sử dụng đất, XSKT)</i>	<i>6.365.000</i>	<i>5.526.192</i>	<i>86,82%</i>	<i>89,48%</i>
1	Thu từ DNNN	750.000	638.321	85,11%	90,73%
2	Thu từ doanh nghiệp đầu tư nước ngoài	60.000	110.156	183,59%	143,35%
3	Thu từ khu vực kinh tế - NQD	1.410.000	1.265.096	89,72%	88,42%
4	Thuế thu nhập cá nhân	580.000	534.340	92,13%	100,68%
5	Thu phí xăng, dầu, thuế bảo vệ môi trường	2.510.000	1.939.730	77,28%	85,04%
6	Lệ phí trước bạ	345.000	281.843	81,69%	88,79%
7	Thu phí, lệ phí	187.000	169.290	90,53%	98,51%
8	Các khoản thu về nhà, đất	748.000	950.000	127,01%	81,74%
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	704		68,01%
-	Thuế nhà đất /thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	8.000	11.444	143,05%	101,46%
-	Thu tiền sử dụng đất	600.000	834.389	139,06%	87,16%
-	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước	140.000	103.322	73,80%	57,01%
-	Thu tiền bán nhà thuộc SHNN	0	142		1,24%
9	Thu tiền CQ khai thác khoáng sản	6.000	32.309	538,48%	127,66%
10	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	55.000	125.796		
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	1.460.000	1.976.741	135,39%	129,77%
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	4.000	2.867	71,67%	92,91%
13	Thu khác ngân sách	310.000	310.833	100,27%	103,22%

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện năm 2020	So sánh Ước TH với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
II	Thuế xuất nhập khẩu	70.000	93.759	133,94%	73,98%
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	6.718.700	7.003.918	104,25%	98,54%
1	Từ các khoản thu phân chia	3.625.175	3.171.968	87,50%	91,06%
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	3.093.525	3.831.950	123,87%	105,73%

ƯỚC THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020

(Kèm theo Thông báo số /TB-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

DVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện chi năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13.686.690	13.527.444	98,84	90,72
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	12.181.277	11.003.050	90,33	81,47
I	Chi đầu tư phát triển	3.191.485	2.873.119	90,02	54,67
1	Chi đầu tư cho các dự án	2.919.533	2.659.519	91,09	54,59
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	47.018		
3	Chi đầu tư phát triển khác	271.952	166.582		
II	Chi thường xuyên	8.373.843	8.030.201	95,90	98,92
	Trong đó:				
1	Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	3.653.123	3.285.128	89,93	101,66
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	31.000	12.656	40,83	70,54
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	764.071	751.249	98,32	95,03
4	Chi sự nghiệp văn hoá thông tin	77.000	81.213	105,47	108,38
5	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	34.956	23.838	68,19	119,61
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	34.000	37.806	111,19	126,31
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	143.469	97.298	67,82	77,79
8	Chi sự nghiệp kinh tế	1.582.205	1.176.376	74,35	79,96
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	1.344.176	1.461.715	108,74	102,12
10	Chi đảm bảo xã hội	420.000	617.253	146,96	152,21
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	1.000	77		0,06
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			100,00	100,00

STT	Chỉ tiêu	Dự toán năm 2020	Ước thực hiện chi năm 2020	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
		2.000	2.000		
V	Chi dự phòng ngân sách	233.960	-		
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	378.989	-		
VII	Chi trả nợ gốc vốn vay KCHKM, CTDC		97.653		
B	CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSDP	1.474.513	1.365.376	92,60	112,46
1	Chương trình mục tiêu quốc gia	426.575	578.054	135,51	
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư	906.600	787.322	86,84	
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên	141.338	0	0,00	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NĂM SAU		1.159.018		
D	CHI ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN CHO VAY VỀ CHO VAY LẠI	30.900			